TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2018/QĐST-DS	*Quảng Ninh, ngày 17 tháng 01 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 21/2017/TLST – TCDS ngày 22 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1978;
Địa chỉ: T3,thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình,

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1966;
Địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình,

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Hoàng Đức T, sinh năm 1950;
Địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Phạm Thị M và ông Hoàng Đức T cùng có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị V số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*).

Hai bên thỏa thuận phương thức trả như sau: Mỗi năm Phạm Thị M và ông Hoàng Đức T cùng có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị V 10.000.000 đồng kể từ năm 2018 cho đến khi hết nợ, cụ thể:

Đến ngày 30/12/2018 trả 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng);*

Đến ngày 30/12/2019 trả 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)*;

Đến ngày 30/12/2020 trả 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)*;

Đến ngày 30/12/2021 trả 10.000.000 đồng *(m+ười triệu đồng)*.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26,

Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bà Phạm Thị M và ông Hoàng Đức T phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng có đơn xin miễn án phí do hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú; do đó, Tòa án giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm cho bà M và ông T. Bà M và ông T phải nộp 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Chị Nguyễn Thị V được nhận lại 1.000.000 đồng (*một triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001082 ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Trần Đức Long